

VIỆN TRỢ QUÂN SỰ CỦA HOA KỲ CHO ISRAEL TRONG NHIỆM KỲ TRUMP 1.0 VÀ TRIỂN VỌNG TRONG NHIỆM KỲ TRUMP 2.0

U.S. MILITARY AID TO ISRAEL ON TRUMP'S FIRST TERM AND PROSPECTS FOR TRUMP'S SECOND TERM

Trần Thị Thu*, Đoàn Mạnh Hùng

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ttthu@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 23/02/2025; Sửa bài / Revised: 18/4/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 20/4/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(5B).097NN

Tóm tắt - Với cam kết duy trì ưu thế quân sự vượt trội của Israel tại Trung Đông kể từ thời Chiến tranh lạnh, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel đã trở thành một trụ cột quan trọng trong quan hệ Hoa Kỳ - Israel. Trong nhiệm kỳ Trump 1.0, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel không chỉ dừng ở việc thực hiện Bản Ghi nhớ (MOU) trị giá 38 tỷ USD cho giai đoạn 2019-2028 mà còn mở rộng sang hỗ trợ phòng thủ tên lửa và tăng cường hợp tác tình báo. Trên cơ sở phân tích các yếu tố thúc đẩy và thực tiễn triển khai chính sách viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 1.0, bài viết tập trung làm rõ tác động của chính sách này đối với Israel và khu vực Trung Đông. Từ đó đưa ra dự báo về triển vọng viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 2.0, với trọng tâm là vai trò của Hoa Kỳ đối với an ninh khu vực Trung Đông và vị thế của Israel trong cấu trúc quyền lực khu vực.

Từ khóa - Viện trợ quân sự; Hoa Kỳ; Israel; Nhiệm kỳ Trump 1.0; Nhiệm kỳ Trump 2.0

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi tuyên bố thành lập vào năm 1948, Israel đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh và xung đột. Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên trên thế giới công nhận Israel ngay sau khi nước này ra đời và Israel cũng là nước tiếp nhận viện trợ nhiều nhất từ Hoa Kỳ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong bối cảnh khu vực Trung Đông đầy biến động và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an ninh, Israel đã ưu tiên xây dựng lực lượng quân sự có tính rắn đe mạnh mẽ, đặc biệt chú trọng vào chất lượng và công nghệ, tập trung vào việc duy trì ưu thế quân sự vượt trội.

Trung Đông hậu Chiến tranh lạnh tiếp tục là điểm nóng địa chính trị, điển hình như Mùa xuân Arab, cuộc nội chiến ở Syria, sự gia tăng ảnh hưởng của Iran và căng thẳng kéo dài giữa Israel và Palestine. Trong môi trường bất ổn đó, Israel tiếp tục giữ vai trò là đồng minh chiến lược hàng đầu của Hoa Kỳ. Từ góc nhìn chiến lược, chính quyền Washington xem Israel là đối tác quan trọng trong việc cân bằng ảnh hưởng tại Trung Đông, đặc biệt trước sự trỗi dậy của Iran và bảo vệ các lợi ích cốt lõi của Hoa Kỳ tại khu vực này. Dưới thời các Tổng thống George W. Bush và Barack Obama, Hoa Kỳ đã ký những Bản Ghi nhớ (MOU) lên đến hàng chục tỷ USD, cam kết hỗ trợ quân sự dài hạn cho Israel. Tuy mỗi chính quyền Hoa Kỳ có cách tiếp cận riêng đối với Trung Đông, nhưng mục tiêu nhất quán của Washington vẫn là duy trì quan hệ với các đồng minh trong

Abstract - With a commitment since the Cold War to maintaining Israel's qualitative military edge (QME) in the Middle East, U.S. military assistance to Israel has become a crucial pillar of U.S.-Israel relations. On Trump's first term, U.S. military aid to Israel went beyond the implementation of the \$38 billion Memorandum of Understanding (MOU) for the 2019-2028 period to include missile defense support and enhanced intelligence cooperation. Based on an analysis of the driving factors and the practice of implementing the U.S. military aid policy to Israel on Trump's first term, this paper focuses on clarifying the implications of this policy on Israel and the Middle East region. Furthermore, it provides a forecast of the U.S. military assistance to Israel on Trump's second term, with a focus on the role of the U.S. in Middle East and Israel's position in the regional power structure.

Key words - Military aid; United States; Israel; Trump's first term; Trump's second term

khu vực, trong đó Israel là đồng minh quan trọng nhất, nhằm bảo vệ các lợi ích thiết yếu của quốc gia này.

Khi Tổng thống Donald Trump lên nắm quyền năm 2017, Hoa Kỳ không chỉ duy trì viện trợ quân sự mà còn có những điều chỉnh quan trọng như công nhận Jerusalem là thủ đô của Israel, rút khỏi Thỏa thuận hạt nhân Iran (JCPOA) và thúc đẩy Hiệp định Abraham nhằm bình thường hóa quan hệ giữa Israel với các nước Arab. Những thay đổi này đã ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc an ninh Trung Đông, làm gia tăng căng thẳng với Palestine và Iran nhưng đồng thời cũng thúc đẩy việc mở rộng quan hệ giữa Israel với các quốc gia trong khu vực. Bài viết này phân tích cơ sở và thực tiễn triển khai chính sách viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 1.0, đồng thời đánh giá những hệ quả chiến lược và đưa ra dự báo về triển vọng viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 2.0.

2. Khái quát viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trước nhiệm kỳ Trump 1.0

2.1. Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel thời kỳ Chiến tranh lạnh đến cuối thập niên 1990

Giai đoạn sau Chiến tranh Sáu ngày (1967) đánh dấu bước chuyển quan trọng trong hợp tác quân sự giữa Hoa Kỳ và Israel, từ hỗ trợ chính trị sang kết hợp với hợp tác quốc phòng có chiều sâu. Trước đó, từ khi Israel tuyên bố thành

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Tran Thi Thu, Doan Manh Hung)

lập vào năm 1948, Hoa Kỳ duy trì chính sách ủng hộ chính trị và kinh tế đối với Israel nhưng chưa cung cấp hỗ trợ quân sự quy mô lớn. Trong bối cảnh căng thẳng với các nước Arab giai đoạn 1950-1960, Israel chủ yếu mua vũ khí từ Pháp [1]. Tuy nhiên, sau khi Israel giành thắng lợi áp đảo trong Chiến tranh Sáu ngày, Hoa Kỳ nhận thấy cần phải tăng cường hợp tác quân sự với Israel để đối phó với sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô tại khu vực Trung Đông.

Từ cuối thập niên 1960, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel gia tăng đáng kể. Năm 1968, lần đầu tiên Quốc hội Hoa Kỳ phê chuẩn bán vũ khí hạng nặng, cụ thể là máy bay chiến đấu F-4 Phantom cho Israel, mở đường cho chuỗi viện trợ quân sự quy mô lớn về sau [2]. Kể từ đó, Hoa Kỳ dần trở thành đối tác quân sự quan trọng nhất của Israel, cung cấp vũ khí, công nghệ quân sự và hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo sức mạnh của Israel trong khu vực.

Trong những năm 1970-1980, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ không chỉ giới hạn ở việc cung cấp vũ khí mà còn mở rộng sang hợp tác tình báo và huấn luyện quân sự. Phản ứng trước tình thế nguy cấp trong Chiến tranh Yom Kippur (1973), Hoa Kỳ đã tiến hành không vận khẩn cấp (Chiến dịch Nickel Grass) nhằm tiếp tế vũ khí và đạn dược cho Israel chống lại liên minh Arab do Ai Cập và Syria dẫn đầu [3]. Từ đó, viện trợ quân sự trở thành trụ cột trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và Israel, với sự hỗ trợ liên tục về trang thiết bị hiện đại như máy bay chiến đấu, xe tăng và hệ thống phòng không.

Thập niên 1980 ghi nhận sự mở rộng viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel, không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng vũ khí, thể hiện sự củng cố lòng tin chiến lược giữa hai bên. Theo số liệu của Quốc hội Hoa Kỳ, viện trợ quân sự trong giai đoạn này đạt trung bình hơn 1,2 tỷ USD/năm - mức cao nhất thời kỳ Chiến tranh lạnh [8]. Ngoài ra, trong cuộc chiến tranh Lebanon năm 1982, Hoa Kỳ hỗ trợ Israel thông qua việc cung cấp bom dẫn đường, đạn dược và hệ thống trinh sát để đối phó với các lực lượng Syria và Tổ chức Giải phóng Palestine - PLO [15].

Giai đoạn hậu Chiến tranh lạnh chứng kiến sự điều chỉnh trong chính sách viện trợ, trong đó Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Israel nhưng theo hướng linh hoạt hơn, phù hợp với cục diện địa chính trị mới. Trong Chiến tranh Vùng Vịnh (1991), Israel bị Iraq tấn công bằng tên lửa Scud, buộc chính quyền Washington phải cung cấp hệ thống phòng thủ tên lửa Patriot nhằm bảo vệ Israel trước các cuộc tấn công từ Baghdad. Trong thời gian này, Hoa Kỳ cũng tăng viện trợ quân sự đặc biệt lên 650 triệu USD để giúp Israel ứng phó với mối đe dọa từ Iraq [8]. Ngoài ra, giai đoạn cuối thập niên 1990 chứng kiến sự mở rộng hợp tác về phòng thủ tên lửa. Hoa Kỳ và Israel phối hợp phát triển hệ thống Arrow Missile Defense System, với khoản tài trợ ban đầu lên đến 1,6 tỷ USD từ Lầu Năm Góc. Chương trình này đặt nền móng cho các hệ thống phòng thủ hiện đại như Iron Dome sau này [20].

Cùng với việc gia tăng viện trợ quân sự, trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ đã thiết lập một nguyên tắc quan trọng trong chính sách đối với Israel: Cam kết duy trì ưu thế quân sự vượt trội (Qualitative Military Edge - QME) cho quốc gia đồng minh này. Nguyên tắc này được hình thành dựa trên nhận thức rằng Israel, với dân số và lãnh thổ

nhỏ hơn so với các nước Arab, cần được đảm bảo năng lực quân sự vượt trội về chất lượng để đối phó với các mối đe dọa từ nhiều phía [4].

Khái niệm QME chính thức được công nhận vào cuối thập niên 1970 và trở thành một nguyên tắc cốt lõi trong chính sách viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Theo nguyên tắc này, Hoa Kỳ cam kết cung cấp cho Israel những công nghệ quân sự tiên tiến hơn so với các nước Arab nhằm duy trì ưu thế chiến lược của Israel. Điều này đồng nghĩa với việc Hoa Kỳ không bán vũ khí tiên tiến cho các nước Arab nếu điều đó làm suy yếu lợi thế của Israel [5].

QME đóng vai trò chiến lược trong chính sách Trung Đông của Hoa Kỳ, đảm bảo Israel luôn duy trì khả năng phòng vệ chất lượng cao so với các đối thủ tiềm tàng. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ xem Israel là đối tác quan trọng trong việc kiềm chế ảnh hưởng của Liên Xô tại Trung Đông. Do đó, viện trợ quân sự không chỉ giúp Israel đối phó với các nước Arab mà còn giúp Hoa Kỳ duy trì cán cân quyền lực có lợi cho phương Tây tại khu vực [6].

Kể từ khi chính thức được Hoa Kỳ công nhận, nguyên tắc QME đã được duy trì trong suốt các chính quyền tổng thống, từ Ronald Reagan đến Joe Biden. Trong các thỏa thuận mua bán vũ khí, Quốc hội Hoa Kỳ luôn đánh giá tác động của việc cung cấp vũ khí cho các nước Arab đối với ưu thế quân sự của Israel trước khi phê duyệt [5]. Đây cũng là một trong những lý do khiến Israel thường nhận được các hệ thống vũ khí hiện đại hơn hoặc phiên bản nâng cấp so với các nước khác trong khu vực.

2.2. Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel dưới thời chính quyền Bush (2001-2009) và Obama (2009-2017)

2.2.1. Viện trợ quân sự dưới thời chính quyền Bush (2001-2009)

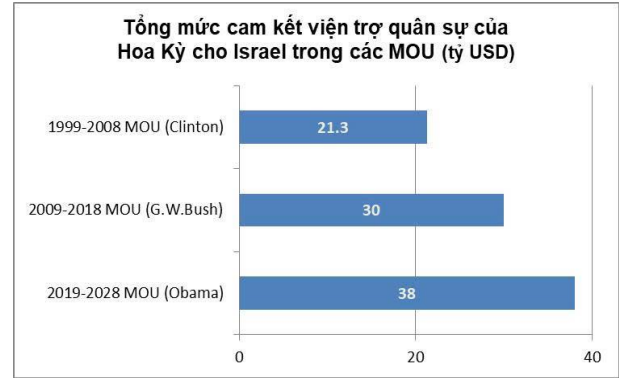
Trong bối cảnh Trung Đông sau sự kiện ngày 11/9, chính quyền Bush củng cố quan hệ quốc phòng với Israel như một phần trong chiến lược chống khủng bố và cuộc xung đột kéo dài giữa Israel và Palestine. Viện trợ quân sự cho Israel trong giai đoạn này chủ yếu tập trung vào tăng cường năng lực phòng thủ và hợp tác công nghệ quân sự, đồng thời đảm bảo rằng các đồng minh Arab của Hoa Kỳ không bị suy yếu về mặt chiến lược.

Một trong những bước tiến quan trọng trong giai đoạn này là việc Hoa Kỳ cung cấp các hệ thống vũ khí tiên tiến cho Israel. Năm 2001, Hoa Kỳ đồng ý bán máy bay chiến đấu F-16I cho Israel, giúp nâng cao năng lực không quân của nước này [5]. Ngoài ra, chính quyền Washington còn hỗ trợ hệ thống phòng thủ tên lửa Arrow-2, một phần trong sáng kiến hợp tác an ninh nhằm bảo vệ Israel trước các mối đe dọa từ Iran và lực lượng Hezbollah [7].

Năm 2007, Hoa Kỳ ký MOU viện trợ quân sự trị giá 30 tỷ USD cho giai đoạn 2009-2018, cao hơn cam kết viện trợ quân sự trị giá 21,3 tỷ USD cho giai đoạn 1999-2008 dưới thời chính quyền Bill Clinton [8]. Ngoài ra, bên cạnh sự hỗ trợ Israel, chính quyền Bush cũng đảm bảo sự cân bằng lợi ích đối với các đồng minh Arab bằng cách cung cấp thiết bị quân sự hiện đại, từ đó duy trì thế cân bằng trong tam giác chiến lược Israel - Iran - các nước Arab Vùng Vịnh [9]. Điều này phản ánh chiến lược của Hoa Kỳ trong việc bảo vệ Israel nhưng không làm mất đi sự ủng hộ của các nước Arab nhằm đảm bảo lợi ích an ninh toàn diện tại Trung Đông.

2.2.2. Viện trợ quân sự dưới thời chính quyền Obama (2009-2017)

Dưới thời chính quyền Obama, Hoa Kỳ tiếp tục duy trì viện trợ quân sự ở mức cao cho Israel, đồng thời có những điều chỉnh quan trọng nhằm đảm bảo an ninh của Israel nhưng vẫn cân bằng với các ưu tiên trong chiến lược Trung Đông của Hoa Kỳ. Trong suốt nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, tổng viện trợ quân sự từ Hoa Kỳ cho Israel được ước tính vào khoảng gần 27 tỷ USD, bao gồm nhiều chương trình hỗ trợ cả truyền thống lẫn công nghệ mới [5].



Hình 1. Cam kết viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel qua các thập kỷ (giai đoạn 1999-2028) [5]

Một trong những điểm nhấn quan trọng nhất vào cuối nhiệm kỳ của Tổng thống Obama là việc Hoa Kỳ và Israel đã ký kết MOU viện trợ kỷ lục trị giá 38 tỷ USD cho giai đoạn 2019-2028, dấu mốc mới thể hiện chiều sâu chiến lược trong quan hệ đồng minh [10]. Đây là sự tiếp nối cam kết dài hạn của Hoa Kỳ đối với an ninh của Israel, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng gia tăng trong quan hệ giữa Israel với Iran và các nhóm vũ trang khu vực. Kể từ năm 2011, Hoa Kỳ đã cung cấp hơn 1,3 tỷ USD cho hệ thống phòng không Vòm sắt (Iron Dome), giúp Israel đánh chặn hàng nghìn quả tên lửa từ Hamas trong các cuộc xung đột [11].

Trong khuôn khổ hợp tác nhằm tăng cường năng lực quân sự, Israel được tiếp cận nhiều khí tài chiến lược bao gồm máy bay chiến đấu F-35, máy bay vận tải C-130, tàu hộ vệ lớp Sa'ar 6, xe tăng Merkava và xe bọc thép Namer. Israel cũng là đối tác nước ngoài đầu tiên của Hoa Kỳ được tiếp cận máy bay chiến đấu thế hệ thứ năm F-35, với hai chiếc đầu tiên được chuyển giao vào tháng 12/2016 [5]. Đồng thời, Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Israel trong phát triển công nghệ quân sự, hợp tác tình báo và đào tạo lực lượng thông qua các chương trình chung giữa Bộ Quốc phòng hai nước.

Tuy nhiên, mặc dù viện trợ quân sự đạt mức cao kỷ lục, chính quyền Obama vẫn có cách tiếp cận thận trọng hơn so với các chính quyền Bush, đặc biệt trong việc yêu cầu Israel nhượng bộ ngoại giao đối với Palestine. Bên cạnh viện trợ quân sự, chính quyền Obama cũng nỗ lực thúc đẩy tiến trình hòa bình, với lập trường ủng hộ giải pháp hai nhà nước và kêu gọi Israel kiềm chế các hoạt động xây dựng tại Bờ Tây [12]. Sự khác biệt này gây ra một số căng thẳng giữa Washington và Tel Aviv, đặc biệt khi chính quyền Netanyahu phản đối các yêu cầu này.

3. Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 1.0

3.1. Các yếu tố tác động

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực Trung Đông

*Bối cảnh quốc tế

Trong giai đoạn này, cấu trúc quyền lực toàn cầu có xu hướng phân tán, với vai trò ngày càng lớn của các cường quốc như Trung Quốc và Nga. Hoa Kỳ, dù vẫn giữ vai trò là siêu cường hàng đầu thế giới, nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức, từ sự trỗi dậy của Trung Quốc thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) đến việc Nga can thiệp vào Ukraine (2014) và Syria (2015).

Trước sự nổi lên của các đối thủ chiến lược, Washington buộc phải điều chỉnh ưu tiên và phân bổ lại nguồn lực trong hoạch định chính sách đối ngoại. Tại Trung Đông, Hoa Kỳ vẫn xem đồng minh chiến lược Israel là đối tác then chốt để đối phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, bao gồm cả các mối đe dọa từ Iran, các tổ chức cực đoan và những thay đổi chính trị. Sự hậu thuẫn từ Hoa Kỳ đã tạo điều kiện cho Israel triển khai các hoạt động quân sự chủ động hơn nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Iran, đặc biệt tại mặt trận Syria, đồng thời giảm thiểu áp lực từ cộng đồng quốc tế [5].

*Bối cảnh khu vực Trung Đông

Thế kỷ XXI mở đầu bằng chuỗi biến động lớn tại Trung Đông, nơi phong trào dân chủ lan rộng, nhưng nhanh chóng bị thay thế bởi các xung đột chính trị và cạnh tranh quyền lực kéo dài. Mùa xuân Arab (2010-2012) đã dẫn đến sự sụp đổ của các chính phủ lâu năm tại Ai Cập, Libya và Tunisia, tạo ra khoảng trống quyền lực nghiêm trọng, dẫn đến sự trỗi dậy của các nhóm cực đoan như Nhà nước Hồi giáo tự xưng (ISIS) tại Iraq và Syria [5]. Tình trạng bất ổn này buộc Israel phải tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ để đảm bảo an ninh biên giới và phát triển hệ thống phòng thủ tên lửa.

Israel xem việc Iran mở rộng ảnh hưởng tại khu vực thông qua các lực lượng ủy nhiệm như Hezbollah ở Lebanon, các nhóm vũ trang tại Syria, Iraq và Yemen, là sự đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia. Không những thế, Iran còn tiếp tục phát triển chương trình hạt nhân, thử nghiệm tên lửa đạn đạo, đồng thời tăng cường hỗ trợ các lực lượng chống đối Israel. Để đối phó với chiến lược mở rộng ảnh hưởng của Tehran, liên minh Hoa Kỳ - Israel đã đầu tư mạnh vào các dự án phòng thủ như hệ thống đánh chặn tên lửa tầm ngắn và tầm xa đa lớp như Iron Dome, David's Sling và Arrow-3 [13].

Như vậy, bối cảnh quốc tế và Trung Đông giai đoạn này khiến Israel đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Trong môi trường đầy biến động này, Hoa Kỳ tiếp tục duy trì viện trợ quân sự cho Israel như một phần trong chiến lược an ninh khu vực, đồng thời điều chỉnh chính sách theo các ưu tiên đối ngoại của từng chính quyền.

3.1.2. Quan điểm của chính quyền Trump 1.0

So với các chính quyền tiền nhiệm, chính quyền Trump 1.0 đã thực hiện những điều chỉnh rõ rệt trong chính sách an ninh - đối ngoại, đặc biệt trong quan hệ với Israel. Theo đuổi phương châm “Nước Mỹ trên hết”

(America First), chính sách đối ngoại của chính quyền Trump 1.0 tập trung vào quan hệ song phương có lợi, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào các cam kết đa phương [12]. Một trong những đặc trưng nổi bật của chính quyền Trump 1.0 là sự ưu ái rõ ràng dành cho Israel trong các quyết sách Trung Đông, thể hiện qua các hành động cụ thể và định hướng ưu tiên chiến lược.

Dưới thời Trump 1.0, viện trợ quân sự được tích hợp vào định hướng chiến lược khu vực, vừa bảo đảm nguyên tắc QME của Israel, vừa giúp Hoa Kỳ định hình lại thế cân bằng quyền lực tại Trung Đông theo hướng có lợi cho Washington và Tel Aviv [5]. Một trong những hành động đầu tiên của chính quyền Trump 1.0 là việc triển khai MOU trị giá 38 tỷ USD đã được ký trước đó dưới thời Obama, đánh dấu sự tiếp nối cam kết viện trợ song phương. Nhưng không dừng ở đó, ông còn đẩy mạnh hỗ trợ tài chính cho các hệ thống phòng thủ tiên tiến của Israel như Iron Dome, David's Sling và Arrow-3 [5], đồng thời gắn viện trợ quân sự với những điều chỉnh chiến lược quan trọng nhằm tái định vị chính sách như rút khỏi JCPOA, công nhận Jerusalem là thủ đô của Israel và thúc đẩy Hiệp định Abraham [14].

Không theo đuổi cách tiếp cận cân bằng của chính quyền Obama nhằm duy trì quan hệ với cả Israel và thế giới Arab, chính quyền Trump 1.0 giành ưu tiên tuyệt đối cho Israel trong chiến lược khu vực [12]. Điều này thể hiện rõ qua quyết định cắt viện trợ cho Palestine, đóng cửa văn phòng Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) tại Washington, D.C và rút khỏi Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhằm phản đối các nghị quyết bất lợi cho Israel [15]. Thực tế, dưới góc nhìn chiến lược, viện trợ quân sự cho Israel dưới thời chính quyền Trump 1.0 không chỉ là một cam kết song phương mà còn là một công cụ tái định hình trật tự khu vực. Trong bối cảnh Iran gia tăng ảnh hưởng thông qua các lực lượng ủy nhiệm như Hezbollah ở Lebanon, các nhóm vũ trang tại Syria, Iraq và Yemen, chính quyền Trump đã tìm cách củng cố vị thế quân sự của Israel nhằm đối trọng với Tehran [16]. Việc rút khỏi JCPOA vào năm 2018 không chỉ chấm dứt một trong những nỗ lực ngoại giao quan trọng nhất của chính quyền Obama, mà còn mở đường cho chính sách “gây sức ép tối đa” đối với Iran [17]. Điều này cũng đồng nghĩa với việc gia tăng viện trợ quân sự cho Israel để giúp nước này đối phó với các mối đe dọa từ Iran và các lực lượng ủy nhiệm của nước này.

Một điểm nhấn quan trọng khác trong chính sách của chính quyền Trump 1.0 là việc công nhận Jerusalem là thủ đô của Israel vào năm 2017 và chuyển Đại sứ quán Hoa Kỳ từ Tel Aviv đến Jerusalem [5]. Đây là một bước đi mang tính biểu tượng cao, khẳng định sự ủng hộ vô điều kiện của Nhà Trắng đối với Israel và đặt nền móng cho các điều chỉnh chính sách sau này. Mặc dù động thái này bị thế giới Arab và Palestine phản đối mạnh mẽ, nó lại củng cố mối quan hệ Hoa Kỳ - Israel và tăng cường sự hiện diện của Israel trên trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, Hiệp định Abraham (2020) ra đời như một bước tiếp theo trong chiến lược của chính quyền Trump, giúp Israel bình thường hóa quan hệ với các quốc gia Arab như UAE, Bahrain, Sudan và Morocco [18]. Đây không chỉ là một thắng lợi ngoại

giao cho Israel mà còn giúp Hoa Kỳ tái định hình trật tự khu vực theo hướng có lợi cho Tel Aviv, đồng thời làm suy yếu ảnh hưởng của Iran và các phong trào Hồi giáo cực đoan [16]. Việc thúc đẩy Hiệp định Abraham không chỉ tạo ra một mạng lưới liên minh mới tại Trung Đông mà còn giúp hợp thức hóa viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel bằng cách lồng ghép nó vào chiến lược an ninh chung giữa các quốc gia đồng minh.

3.2. Thực tiễn triển khai

3.2.1. Viện trợ quân sự của chính quyền Trump 1.0 cho Israel

Thực hiện cam kết vững chắc của Hoa Kỳ đối với an ninh của Israel, chính quyền Trump 1.0 đẩy mạnh viện trợ quân sự cả về quy mô lẫn chiều sâu, nhằm tái khẳng định vai trò của đồng minh chiến lược. Trọng tâm của viện trợ quân sự cho Israel dưới thời chính quyền Trump 1.0 là việc thực hiện MOU lịch sử trị giá 38 tỷ USD và tăng cường hỗ trợ công nghệ quân sự, đặc biệt trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa và cung cấp vũ khí hiện đại. Trong bối cảnh Iran mở rộng ảnh hưởng thông qua các lực lượng ủy nhiệm tại Syria, Lebanon và Yemen, các chính sách viện trợ được triển khai nhằm bảo đảm ưu thế chiến lược cho Israel, đồng thời phản ánh quan điểm của chính quyền Trump về việc củng cố quan hệ đồng minh chiến lược với Israel như một ưu tiên hàng đầu trong chính sách Trung Đông của Hoa Kỳ [5].

Trên cơ sở đó, MOU giai đoạn 2019-2028 được thực thi dưới thời chính quyền Trump 1.0 nhằm duy trì nguyên tắc QME của Israel trước các đối thủ trong khu vực. MOU này bao gồm 33 tỷ USD hỗ trợ tài chính để Israel mua sắm khí tài quân sự tiên tiến và 5 tỷ USD dành cho các hệ thống phòng thủ tên lửa [10]. Đây là thỏa thuận viện trợ quân sự song phương lớn nhất trong lịch sử quan hệ Hoa Kỳ - Israel, nhằm đảm bảo rằng Israel có đủ nguồn lực để đối phó với các mối đe dọa từ Iran, Hezbollah và Hamas, đồng thời củng cố vị thế chiến lược của Hoa Kỳ tại Trung Đông.

Viện trợ quân sự cho Israel dưới thời chính quyền Trump 1.0 không đi kèm với các yêu cầu chính trị khiến Israel phải nhượng bộ ngoại giao với Palestine như cách tiếp cận của chính quyền Obama. Điều này cho phép Israel chủ động hơn trong hoạch định và triển khai chính sách an ninh – đối ngoại tại khu vực. Chính quyền Trump 1.0 nhấn mạnh rằng viện trợ quân sự là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn nhằm kiềm chế Iran và gia tăng ảnh hưởng của Israel trong khu vực [12]. Trong bối cảnh đó, Nhà Trắng không chỉ duy trì mà còn mở rộng hỗ trợ tài chính cho hệ thống phòng thủ tên lửa của Israel, bao gồm Iron Dome, David's Sling và Arrow-3. Iron Dome tiếp tục nhận được sự tài trợ đáng kể từ Hoa Kỳ nhằm nâng cấp khả năng đánh chặn các loại tên lửa do Hamas và Hezbollah phóng vào lãnh thổ Israel. Trong giai đoạn 2017-2021, chính quyền Trump đã cấp thêm 1 tỷ USD để nâng cấp Iron Dome, đảm bảo hệ thống này có thể đối phó với các mối đe dọa ngày càng tinh vi hơn từ các nhóm vũ trang đối lập tại Dải Gaza và Lebanon [5].

Bên cạnh Iron Dome, hệ thống phòng thủ tên lửa David's Sling, vốn được phát triển với sự hợp tác giữa Hoa Kỳ và Israel, cũng nhận được sự tài trợ đáng kể nhằm

cải thiện khả năng đánh chặn các tên lửa tầm trung của Hezbollah và Syria. Sự hỗ trợ của Hoa Kỳ cho David's Sling đã giúp Israel nâng cao năng lực phòng thủ trước các cuộc tấn công tên lửa từ xa, đồng thời tạo ra một mạng lưới phòng thủ đa lớp kết hợp với Iron Dome và Arrow-3 [14]. Trong khi đó, Arrow-3, hệ thống phòng thủ tên lửa tầm xa được thiết kế để đánh chặn các tên lửa đạn đạo liên lục địa (ICBM) của Iran, cũng đã hoàn thành các cuộc thử nghiệm thành công và được triển khai vào năm 2019. Với sự tài trợ từ Hoa Kỳ, Arrow-3 không chỉ giúp Israel đối phó với các mối đe dọa hạt nhân tiềm tàng từ Tehran mà còn củng cố năng lực răn đe chiến lược của nước này trong khu vực [16].

Ngoài các hệ thống phòng thủ tên lửa, chính quyền Trump cũng thúc đẩy việc cung cấp các loại vũ khí hiện đại nhằm nâng cao năng lực tác chiến của Israel. Một trong những điểm nhấn quan trọng nhất là việc cung cấp máy bay chiến đấu F-35 Lightning II, giúp Israel trở thành quốc gia đầu tiên ngoài Hoa Kỳ sở hữu loại máy bay thế hệ thứ năm này. Việc sở hữu F-35 không chỉ giúp Israel duy trì ưu thế trên không mà còn cho phép thực hiện các cuộc tấn công chính xác nhằm vào các mục tiêu chiến lược mà không bị phát hiện bởi hệ thống radar của đối phương [5]. Cùng với đó, Israel cũng nhận được các hệ thống tên lửa chống tăng Javelin, giúp lực lượng mặt đất đối phó hiệu quả hơn với các đơn vị thiết giáp của đối phương trong trường hợp xảy ra xung đột với Hezbollah hoặc Syria [15].

Ngoài ra, chính quyền Trump còn tài trợ cho Israel các hệ thống radar tối tân nhằm nâng cao khả năng phát hiện và theo dõi các mối đe dọa từ xa. Các hệ thống radar này có thể tích hợp với các nền tảng phòng không hiện có của Israel, giúp cải thiện đáng kể khả năng phản ứng trước các cuộc tấn công bất ngờ. Chính quyền Trump cũng mở rộng hợp tác công nghệ quốc phòng với Israel, trong đó có các dự án phát triển vũ khí laser năng lượng cao nhằm đánh chặn máy bay không người lái và tên lửa hành trình [16]. Những bước đi này không chỉ giúp Israel duy trì ưu thế quân sự trong khu vực mà còn củng cố vị thế của Hoa Kỳ với tư cách là đối tác an ninh không thể thay thế của Israel.

Nhìn chung, chính sách viện trợ quân sự của chính quyền Trump 1.0 thể hiện một cam kết mạnh mẽ và không điều kiện đối với an ninh của Israel. Việc thực hiện nhanh chóng Bản Ghi nhớ 38 tỷ USD, gia tăng tài trợ cho hệ thống phòng thủ tên lửa và cung cấp các vũ khí hiện đại giúp Israel duy trì ưu thế quân sự trong khu vực. Những chính sách này không chỉ giúp Israel đối phó hiệu quả hơn với các mối đe dọa an ninh mà còn phản ánh rõ ràng quan điểm của Tổng thống Donald Trump về việc đặt Israel vào trung tâm của chiến lược Trung Đông của Hoa Kỳ. Qua đó, chính quyền Trump không chỉ củng cố liên minh Hoa Kỳ - Israel mà còn định hình lại chiến lược quân sự của Washington tại Trung Đông trong một kỷ nguyên mới, nơi Israel đóng vai trò như một tiền đồn quan trọng trong việc kiểm soát các đối thủ khu vực và bảo vệ lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ.

3.2.2. Hợp tác quân sự - tình báo giữa Hoa Kỳ và Israel

Trong nhiệm kỳ đầu tiên, chính quyền Donald Trump đã tăng cường phối hợp quốc phòng và tình báo với Tel Aviv nhằm bảo đảm ưu thế quân sự của Israel trước các mối đe dọa an ninh, đồng thời duy trì lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ

tại Trung Đông. Chiến lược An ninh quốc gia của Hoa Kỳ năm 2017 (NSS 2017) xác định Israel là trụ cột trong chiến lược an ninh khu vực Trung Đông, đồng thời khẳng định cam kết duy trì nguyên tắc QME cho nước này để đối phó với các mối đe dọa từ Iran và các nhóm vũ trang khu vực [19]. Chính sách của chính quyền Trump 1.0 không chỉ tập trung vào viện trợ quân sự mà còn mở rộng hợp tác trong lĩnh vực chia sẻ thông tin tình báo và huấn luyện quân sự chung nhằm nâng cao năng lực tác chiến của Israel.

Việc tăng cường chia sẻ dữ liệu tình báo, đặc biệt trong theo dõi các hoạt động quân sự của Iran, được coi là một trụ cột trong hợp tác an ninh giữa hai nước. NSS 2017 nhấn mạnh rằng việc hợp tác chặt chẽ với các đồng minh chiến lược nhằm đối phó với các mối đe dọa toàn cầu là ưu tiên hàng đầu của chính quyền Trump [19]. Trong bối cảnh Iran gia tăng ảnh hưởng thông qua Hezbollah, Hamas và các lực lượng ủy nhiệm tại Syria và Iraq, Hoa Kỳ và Israel đã triển khai mạng lưới giám sát phối hợp, cho phép thu thập và xử lý thông tin tình báo gần như tức thời, phục vụ mục tiêu kiểm soát hoạt động của Tehran.

Một trong những thành tựu quan trọng nhất của hợp tác tình báo Hoa Kỳ - Israel là chiến dịch thu thập tài liệu mật về chương trình hạt nhân Iran vào năm 2018, do Cục Tình báo và Đặc nhiệm Israel (Mossad) thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Cục Tình báo trung ương Hoa Kỳ (CIA). Chiến dịch này đã giúp chính quyền Trump 1.0 có cơ sở để rút khỏi JCPOA, đồng thời gia tăng áp lực trừng phạt đối với Tehran nhằm làm suy yếu khả năng phát triển vũ khí hạt nhân của nước này [5]. Ngoài ra, hai nước cũng hợp tác trong việc theo dõi các mạng lưới tài trợ của Hamas và Hezbollah, giúp Hoa Kỳ áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế hiệu quả hơn đối với các tổ chức này, phù hợp với cam kết trong NSS 2017 là cắt đứt nguồn tài chính của các nhóm cực đoan [12].

Mở rộng huấn luyện quân sự chung cũng là một phần quan trọng trong chiến lược an ninh của chính quyền Trump 1.0 đối với Israel. NSS 2017 nhấn mạnh tầm quan trọng của các cuộc tập trận chung trong việc nâng cao khả năng phối hợp tác chiến và củng cố năng lực răn đe chiến lược của Hoa Kỳ tại các khu vực trọng yếu [19]. Trong giai đoạn 2017-2021, hai nước đã tiến hành nhiều cuộc diễn tập chiến lược quy mô lớn, điển hình là cuộc tập trận phòng thủ tên lửa Juniper Cobra 2018 với sự tham gia của hàng nghìn binh sĩ từ Bộ Tư lệnh Châu Âu của Hoa Kỳ (EUCOM) và Lực lượng Phòng vệ Israel (IDF) [5]. Cuộc tập trận này nhằm kiểm tra khả năng phối hợp tác chiến trong tình huống xảy ra một cuộc tấn công tên lửa quy mô lớn từ Iran hoặc các lực lượng vũ trang khu vực.

Ngoài Juniper Cobra 2018, cuộc tập trận Blue Flag 2019 giữa lực lượng không quân của hai nước cũng là minh chứng cho việc nâng tầm hợp tác quân sự song phương, trong đó hai bên thực hành các chiến thuật tác chiến tiên tiến như sử dụng máy bay chiến đấu F-35 trong môi trường đối kháng điện tử phức tạp. Đây là một phần trong kế hoạch nâng cao năng lực tác chiến của Israel, đồng thời giúp hai bên hoàn thiện chiến thuật phối hợp không quân nhằm đối phó với các mối đe dọa từ Iran và Hezbollah [15].

Trong lĩnh vực hải quân, Hoa Kỳ và Israel mở rộng hợp tác tác chiến tại Địa Trung Hải, tập trung vào các chiến

thuật chống tàu ngầm và bảo vệ các tuyến hàng hải chiến lược. Đặc biệt, Hoa Kỳ đã hỗ trợ Israel nâng cấp năng lực hải quân thông qua việc cung cấp các tàu hộ vệ lớp Sa'ar 6, được trang bị hệ thống phòng thủ tên lửa tiên tiến, giúp bảo vệ các mỏ khí đốt ngoài khơi của Israel trước các mối đe dọa từ Hezbollah [5].

Bên cạnh các cuộc tập trận, hợp tác công nghệ quốc phòng cũng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh song phương. Hoa Kỳ tài trợ cho Israel các hệ thống radar tối tân nhằm nâng cao khả năng phát hiện và theo dõi các mối đe dọa từ xa, đồng thời hỗ trợ phát triển vũ khí laser năng lượng cao để đánh chặn máy bay không người lái và tên lửa hành trình [16].

3.3. Một số đánh giá về viện trợ quân sự của chính quyền Trump 1.0 cho Israel

3.3.1. Tác động đối với Israel

Viện trợ quân sự từ chính quyền Trump 1.0 đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực phòng ngự lẫn chủ động tác chiến của Israel. Sự đầu tư vào hệ thống phòng thủ tên lửa đa tầng hiện đại đã nâng cao năng lực đối phó của Israel trước các mối đe dọa từ các nhóm vũ trang thù địch tại Dải Gaza, Lebanon và Syria [5]. Hệ thống Iron Dome được triển khai hiệu quả trong các đợt giao tranh tại Dải Gaza, góp phần giảm thương vong dân sự và củng cố khả năng phòng vệ của Israel [15]. Ngoài ra, Israel cũng nhận được máy bay chiến đấu F-35, tên lửa chống tăng Javelin và các hệ thống radar tối tân từ Hoa Kỳ, giúp nước này duy trì ưu thế chiến đấu trong môi trường tác chiến hiện đại [14].

Bên cạnh việc nâng cao năng lực tác chiến, viện trợ quân sự từ Hoa Kỳ còn thúc đẩy hợp tác quân sự - tình báo chặt chẽ hơn giữa hai nước. Hai chính quyền Washington và Tel Aviv đã mở rộng cơ chế chia sẻ thông tin tình báo, giúp Israel giám sát hoạt động của Iran tại Syria, Iraq và Lebanon, đồng thời cung cấp dữ liệu cần thiết để IDF tiến hành các cuộc không kích chính xác vào các mục tiêu Iran và Hezbollah [16]. Thông qua các cuộc diễn tập chiến lược như Juniper Cobra 2018 và Blue Flag 2019, khả năng tương tác tác chiến của hai bên đã được nâng cao rõ rệt [5].

3.3.2. Tác động đối với khu vực Trung Đông

Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel dưới thời chính quyền Trump 1.0 đã vượt khỏi phạm vi quan hệ song phương, tác động trực tiếp đến thế cân bằng quyền lực tại Trung Đông, đặc biệt là trong việc định hình lại cán cân quyền lực khu vực. Sức mạnh quân sự được tăng cường đã giúp Israel nắm lợi thế rõ rệt trước các đối thủ như Iran, làm thay đổi cán cân lực lượng trong khu vực. Sự ủng hộ từ chính quyền Washington đã tạo điều kiện cho Israel mở rộng không gian hành động quân sự tại Syria, đồng thời giảm bớt áp lực từ cộng đồng quốc tế [12]. Hệ quả là ảnh hưởng khu vực của Iran bị thu hẹp đáng kể, trong khi Israel gia tăng vai trò như một nhân tố an ninh trung tâm tại Trung Đông.

Viện trợ quân sự của Washington cũng hỗ trợ việc thực thi chiến lược “gây sức ép tối đa” mà chính quyền Trump 1.0 theo đuổi nhằm kiểm chế chương trình hạt nhân của Iran và sự gia tăng ảnh hưởng của Tehran tại khu vực [19]. Sau khi rút khỏi thỏa thuận hạt nhân JCPOA năm 2018,

chính sách trừng phạt kinh tế của Hoa Kỳ đã khiến Tehran gặp khó khăn trong duy trì hoạt động hậu thuẫn cho các lực lượng ủy nhiệm như Hezbollah và Hamas [16]. Đồng thời, viện trợ quốc phòng cũng góp phần nâng cao năng lực tấn công của Israel, đặc biệt trong các chiến dịch nhắm vào các mục tiêu liên quan đến Iran ở Syria và làm suy yếu năng lực triển khai vũ khí của Tehran trong khu vực.

Nhìn chung, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ dưới thời chính quyền Trump đã giúp Israel nâng cao đáng kể năng lực quốc phòng, đồng thời củng cố quan hệ quân sự - tình báo giữa hai nước. Tuy nhiên, dù gia tăng năng lực phòng thủ cho Israel, chính sách viện trợ này cũng làm phức tạp môi trường an ninh khu vực. Trong khi giúp Israel đối phó hiệu quả hơn với các mối đe dọa từ Iran, Hezbollah và Hamas, viện trợ quân sự của chính quyền Trump 1.0 cũng làm xung đột Israel - Palestine trở nên trầm trọng hơn, hy vọng về một giải pháp hòa bình tiếp tục suy giảm và khiến Trung Đông trở thành một khu vực ngày càng bất ổn. Chính sách này không chỉ định hình lại cục diện Trung Đông mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với vai trò của Hoa Kỳ trong việc duy trì ổn định khu vực.

4. Triển vọng viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 2.0

4.1. Cơ sở dự báo

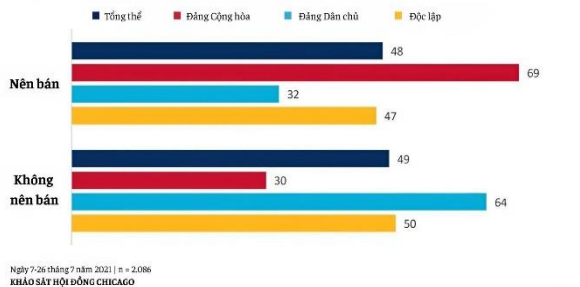
Chính sách viện trợ quân sự cho Israel trong nhiệm kỳ Trump 2.0 được dự báo sẽ chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Theo đó, các yếu tố như phong cách lãnh đạo của Tổng thống Donald Trump, đặc thù chính trị nội bộ Hoa Kỳ, tình hình Trung Đông và cạnh tranh địa chính trị tại khu vực cũng như ảnh hưởng của các nhóm vận động hành lang sẽ đóng vai trò quyết định trong định hình chính sách viện trợ quân sự sắp tới.

Thứ nhất, phong cách lãnh đạo quyết đoán, phi truyền thống cùng với ưu tiên lợi ích quốc gia tối cao của Hoa Kỳ và phương châm “hòa bình dựa trên sức mạnh” của Tổng thống Donald Trump là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel. Nhiều khả năng chính quyền Trump 2.0 sẽ ưu tiên tăng cường viện trợ như một biểu hiện của sự cam kết bền vững đối với vai trò của Israel trong chiến lược Trung Đông. Không chỉ gia tăng viện trợ quân sự trực tiếp, chính quyền Trump 2.0 có thể còn mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực công nghệ quân sự thế hệ mới, bao gồm cả phòng thủ phi truyền thống, được xem là chiến lược then chốt để duy trì nguyên tắc QME của Israel trước các thách thức an ninh tại khu vực.

Thứ hai, bối cảnh chính trị nội bộ cũng đóng vai trò quan trọng trong chính sách viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Trong nhiệm kỳ Trump 1.0, sự ủng hộ của Đảng Cộng hòa đối với Israel ở mức cao, với sự hậu thuẫn từ các nhóm vận động hành lang như Ủy ban Công vụ Hoa Kỳ - Israel (AIPAC) và các cử tri bảo thủ ủng hộ chính sách thân Israel [15]. Kết quả khảo sát năm 2021 (Hình 2) là minh chứng rõ nét cho mức độ ủng hộ vượt trội của Đảng Cộng hòa so với Đảng Dân chủ về việc bán vũ khí và trang thiết bị quân sự của Hoa Kỳ cho Israel. Trong nhiệm kỳ thứ hai, khi Quốc hội đang nằm dưới sự kiểm soát của Đảng Cộng hòa, chính quyền Trump có thể dễ dàng hơn trong việc thông qua các gói viện trợ quân sự lớn hơn cho Israel.

Hoa Kỳ bán vũ khí cho Israel

Hoa Kỳ bán vũ khí và thiết bị quân sự cho một số quốc gia trên thế giới. Hoa Kỳ có nên bán vũ khí và thiết bị quân sự cho Israel không? (%)



Hình 2. Khảo sát về việc bán vũ khí và trang thiết bị quân sự của Hoa Kỳ cho Israel năm 2021 [20]

Thứ ba, mối quan hệ Hoa Kỳ - Iran sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến mức độ viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel. Trong bối cảnh Iran tiếp tục mở rộng ảnh hưởng tại khu vực và tăng tốc phát triển hạt nhân, viện trợ quân sự có thể được chính quyền Trump 2.0 sử dụng như đòn bẩy chiến lược nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Tehran. Điều này có thể dẫn đến kịch bản gia tăng tấn công chủ động từ phía Israel nhằm vào các cơ sở then chốt của Iran là điều hoàn toàn có thể xảy ra nếu viện trợ được đẩy mạnh [5].

Thứ tư, sự hiện diện và can dự ngày càng rõ nét của Bắc Kinh và Moscow trong các vấn đề Trung Đông đang tạo áp lực tái cấu trúc chiến lược của Washington tại khu vực. Trung Quốc đã tăng cường quan hệ thương mại và quốc phòng với Iran, trong khi Nga tiếp tục duy trì sự hiện diện quân sự tại Syria. Dưới nhiệm kỳ Trump 2.0, Hoa Kỳ có thể gia tăng viện trợ quân sự cho Israel nhằm duy trì lợi thế chiến lược của mình trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng gay gắt tại Trung Đông [16].

Cuối cùng, vai trò của các nhóm vận động hành lang cũng có thể tác động đến chính sách viện trợ quân sự của chính quyền Trump 2.0. Các tổ chức như AIPAC, Các Ủy ban Hành động chính trị ủng hộ Israel (PACs), Liên minh người Do Thái trong Đảng Cộng hòa (Republican Jewish Coalition) và nhiều nhóm vận động ủng hộ Israel trong chính giới Hoa Kỳ có thể tiếp tục thúc đẩy các chính sách viện trợ mạnh mẽ hơn, trong khi một số nhóm chính trị khác có thể gây áp lực nhằm yêu cầu chính quyền Trump đưa ra các điều kiện đối với Israel trong quá trình viện trợ.

4.2. Một số kịch bản

- *Kịch bản thứ nhất (khả thi nhất)*: Chính quyền Trump 2.0 sẽ gia tăng viện trợ quân sự và thúc đẩy hợp tác quốc phòng với Tel Aviv, nhằm hỗ trợ khả năng tự vệ và tăng cường năng lực răn đe đối với các mối đe dọa từ Iran. Trong kịch bản này, Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng cường viện trợ quân sự cho Israel nhằm duy trì nguyên tắc QME, đồng thời đối phó với các mối đe dọa từ Iran và các lực lượng ủy nhiệm tại Trung Đông. Chính quyền Trump 2.0 có thể ký MOU cho giai đoạn viện trợ tiếp theo để tăng cường đầu tư vào công nghệ phòng thủ tên lửa đa tầng và các loại vũ khí tối tân. Chính sách này là sự tiếp tục chính sách gây áp lực toàn diện nhằm kiềm chế hoạt động phát triển năng lực hạt nhân và quân sự của Iran dưới thời chính quyền Trump 1.0, giúp Israel nâng cao năng lực răn đe. Tuy nhiên, điều này

cũng có thể dẫn đến phản ứng mạnh mẽ từ Tehran, khiến căng thẳng khu vực tiếp tục gia tăng.

- *Kịch bản thứ hai*: Hoa Kỳ giữ nguyên mức viện trợ hiện tại, chuyển trọng tâm sang liên kết an ninh khu vực thay vì tăng cường trang bị quân sự cho Israel. Trong trường hợp này, chính sách viện trợ sẽ giống thời kỳ chính quyền Bush, Hoa Kỳ vẫn giữ mức viện trợ đã cam kết theo MOU 38 tỷ USD (2019-2028) mà không tăng cường viện trợ thêm. Thay vào đó, chính quyền Trump 2.0 có thể tập trung vào hợp tác an ninh khu vực, tiếp tục khai thác nền tảng từ Hiệp định Abraham để mở rộng liên kết giữa Israel và các quốc gia Vùng Vịnh. Chính sách này giúp Hoa Kỳ duy trì cam kết an ninh với Israel mà không làm gia tăng căng thẳng với các đồng minh khu vực. Tuy nhiên, Israel có thể lo ngại rằng Hoa Kỳ đang giảm mức độ hỗ trợ quân sự trực tiếp, điều có thể khiến Israel phải chủ động hơn trong việc bảo vệ lợi ích an ninh trước các đối thủ trong khu vực.

- *Kịch bản thứ ba*: Hoa Kỳ điều chỉnh chính sách viện trợ, viện trợ quân sự có thể đi kèm với điều kiện ngoại giao, buộc Israel điều chỉnh chính sách đối với tiến trình hòa bình Trung Đông hoặc các xung đột khu vực. Dưới áp lực từ các đối tác Arab và cộng đồng quốc tế, chính quyền Trump 2.0 có thể duy trì viện trợ quân sự nhưng đặt ra các điều kiện ngoại giao, yêu cầu Israel có những nhượng bộ trong tiến trình hòa bình với Palestine hoặc kiềm chế hoạt động mở rộng khu định cư tại Bờ Tây, trường hợp này giống với chính quyền Obama. Chính sách này có thể giúp Washington giữ được sự ủng hộ từ cả Tel Aviv và các quốc gia Arab mà không làm tổn hại đến thế cân bằng khu vực. Tuy nhiên, chính phủ Israel có thể không chấp nhận các điều kiện này, đặc biệt nếu Israel tiếp tục do các đảng cánh hữu lãnh đạo. Nếu căng thẳng ngoại giao leo thang, điều này có thể làm suy giảm hiệu quả các hoạt động hợp tác an ninh song phương.

5. Kết luận

Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel là một trụ cột quan trọng trong quan hệ giữa hai nước, đóng vai trò chiến lược trong việc duy trì nguyên tắc QME của Israel tại Trung Đông. Chính sách viện trợ này đã được các đời tổng thống Hoa Kỳ kế thừa và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi chiến lược trong từng giai đoạn lịch sử, cụ thể như: 1960-1970 (khởi đầu hỗ trợ quân sự), 1970-1980 (mở rộng viện trợ), 1980-2000 (gia tăng hợp tác quân sự), 2000-2009 (tăng viện trợ tập trung chống khủng bố), 2009-2017 (tăng cường viện trợ kèm theo điều kiện).

Chính quyền Trump 1.0 thúc đẩy hình thức viện trợ mang tính không điều kiện, thể hiện qua mức hỗ trợ gia tăng và được tích hợp vào chiến lược an ninh khu vực nhằm đối phó với Iran. Việc thực hiện MOU trị giá 38 tỷ USD (2019-2028), cùng với sự gia tăng tài trợ cho các hệ thống phòng thủ tên lửa, cũng như việc cung cấp các vũ khí tối tân và hệ thống radar hiện đại, đã giúp Israel củng cố năng lực phòng thủ và răn đe chiến lược. Đồng thời, hợp tác quân sự - tình báo giữa hai nước được mở rộng, với việc tăng cường chia sẻ thông tin tình báo và tổ chức các cuộc tập trận quy mô lớn. Tuy nhiên, những điều chỉnh này cũng có tác động sâu sắc đến cấu trúc an ninh khu vực, làm gia tăng căng thẳng với Iran, thúc đẩy sự phân cực trong thế cân

bằng quyền lực khu vực, làm gián đoạn tiến trình hòa bình Israel Palestine và đặt ra nhiều thách thức đối với an ninh và ổn định trong dài hạn.

Dưới nhiệm kỳ Trump 2.0 (2025-2029), chính sách viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cho Israel có thể diễn biến theo ba kịch bản: (1) mở rộng viện trợ quân sự để giúp Israel gia tăng năng lực phòng thủ và răn đe Iran; (2) duy trì viện trợ ở mức hiện tại nhưng tập trung vào hợp tác an ninh khu vực; hoặc (3) điều chỉnh chính sách viện trợ bằng cách yêu cầu Israel có các nhượng bộ ngoại giao. Trong số này, kịch bản tăng cường viện trợ quân sự là khả thi nhất, do phù hợp với chính sách đối ngoại của chính quyền Trump 2.0 và nhu cầu đảm bảo an ninh của Israel trước các mối đe dọa từ Iran và các lực lượng ủy nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] W. B. Quandt, *Peace Process: American Diplomacy and the Arab – Israeli Conflict since 1967*, 3rd edition. Washington, D.C: Brookings Institution Press, 2005.
- [2] Y. Bar-Siman-Tov, *The United States and Israel since 1948: A “Special Relationship”*. Diplomatic History: Oxford University Press, 1998.
- [3] M. B. Oren, *Six Days of War: June 1967 and the Making of the Modern Middle East*. Oxford University Press, 2002.
- [4] G. Kemp, *The East Moves West: India, China, and Asia’s Growing Presence in the Middle East*, 2nd edition. Washington, D.C: Brookings Institution Press, 2012.
- [5] J. J. M. Sharp, “U.S Foreign Aid to Israel”, Congressional Research Service, Washington, D.C, USA, Report RL33222, 2022.
- [6] C. D. Freilich, *Israeli National Security: A New Strategy for an Era of Change*. New York: Oxford University Press, 2018.
- [7] A. H. Cordesman, *Arab-Israeli Military Forces in an Era of Asymmetric Wars*. Stanford, CA: Stanford Security Studies, 2008.
- [8] J. M. Sharp, “U.S Foreign Aid to Israel”, Congressional Research Service, Washington, D.C, USA, Report RL33222, 2023.
- [9] D. Kimche, *The Last Option: After Nasser, Arafat & Saddam Hussein: The Quest for Peace in the Middle East*. New York: Routledge, 2018.
- [10] The White House, “Fact Sheet: Memorandum of Understanding Reached with Israel”, *The White House Archives*, September 14, 2016. [Online]. Available: <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2016/09/14/fact-sheet-memorandum-understanding-reached-israel> [Accessed: February 05, 2025].
- [11] M. B. Oren, *Ally: My Journey Across the American-Israeli Divide*. Princeton, NJ: Princeton University Press, 2015.
- [12] M. S. Indyk, *Master of the Game: Henry Kissinger and the Art of Middle East Diplomacy*. New York: Penguin Press, 2023.
- [13] B. Kaussler and G. P. Hastedt, *US Foreign Policy Towards the Middle East*. London: Routledge, 2017.
- [14] D. Trump, “Statement by President Trump on Jerusalem”, *The White House*, December 6, 2017. [Online]. Available: <https://trumpwhitehouse.archives.gov/briefings-statements/statement-president-trump-jerusalem/> [Accessed: February 21, 2025].
- [15] A. Ben-Meir, *U.S. Policy Towards Israel and the Middle East*. London: Routledge, 2020.
- [16] S. Maloney, *Iran’s Political Economy since the Revolution*. New York: Cambridge University Press, 2015.
- [17] J. J. Mearsheimer, *Great Delusion: Liberal Dreams and International Realities*. New Haven: Yale University Press, 2018.
- [18] The White House, “The Abraham Accords: A New Era for Middle East Peace”, *The White House*, 2020. [Online]. Available: <https://trumpwhitehouse.archives.gov/> [Accessed: February 23, 2025].
- [19] The White House, *National Security Strategy of the United States of America*. Washington, D.C: The White House, 2017.
- [20] D. Smeltz and E. Sullivan, “Americans Split on Military Aid to Israel, Say Political Status Quo Unacceptable”, *The Chicago Council on Global Affairs*, Chicago, USA, Report, 2021.